



Bacterocin – Thuốc mỡ

Mupirocin 20mg/g

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Thành phần:

Hoạt chất: 1g thuốc mỡ chứa 20mg mupirocin.

Tá dược: Polyethylen glycol 400, Polyethylen glycol 4000, Disodium edetat hydrat, nước tinh khiết.

Dạng bào chế: Thuốc mỡ màu trắng nhạt.

Đóng gói: Hộp 1 tuýp 5 g; 15g.

Dược lực học:

Mã ATC: D06AX09, R01AX06

Mupirocin là một kháng sinh. Thuốc ức chế sự tổng hợp protein của vi khuẩn. Thuốc có tác dụng kìm khuẩn ở nồng độ thấp và diệt khuẩn ở nồng độ cao. Mupirocin có phổ kháng khuẩn hẹp, chủ yếu trên vi khuẩn Gram dương ưa khí. Hầu hết các chủng Staphylococci như Staphylococcus aureus, S.epidermidis, S. saprophylicus đều nhạy cảm với thuốc.

Dược động học:

Khi bôi ngoài da, một lượng thuốc rất nhỏ được hấp thu vào vòng tuần hoàn chung. Thuốc chỉ dùng để bôi tại chỗ.

Chỉ định:

Điều trị tại chỗ bệnh chốc lở, viêm nang lông và mụn mủ do Staphylococcus aureus và Streptococcus pyogenes.

Điều trị nhiễm khuẩn da do bỏng hoặc bị thương.

Liều lượng và cách dùng:

Trẻ em ≥ 1 tuổi và người lớn:

Bôi 1 lượng nhỏ thuốc lên vùng da bị bệnh. Điều trị trong 10 ngày, 2-3 lần/ngày. Có thể dùng gạc băng lại nếu muốn.

Trẻ em < 1 tuổi: chưa có bằng chứng và các nghiên cứu về an toàn, hiệu quả nên không sử dụng cho đối tượng này.

Bệnh nhân suy gan, suy thận: không cần điều chỉnh liều.

Chống chỉ định:

Chống chỉ định với bệnh nhân mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Trường hợp bệnh thận đa nang

Phụ nữ có thai

Phụ nữ cho con bú

Lưu ý khi sử dụng thuốc:

Bệnh nhân mẫn cảm hoặc có tiền sử dị ứng với polyethylene glycol.

Không sử dụng thuốc này cho vết thương trong thời gian dài. Sử dụng lâu có thể tăng nguy cơ nhiễm khuẩn, viêm ruột kết màng giả. Không được bôi vào mắt, vào trong mũi.

Nếu không thấy tình trạng được cải thiện sau 3 đến 5 ngày sử dụng, tham khảo ý kiến bác sĩ, dược sĩ.

Tác dụng không mong muốn:

Rát, đau râm ran, đau, ngứa, phát ban.

Nôn, đau, phỏng rộp, viêm da, hoại tử.

Dị ứng toàn thân.

Lưu ý chung:

Ngừng sử dụng thuốc nếu kích ứng mạnh, xuất hiện nốt đỏ và đau, tham khảo ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ.

Tiến hành thử mẫn cảm và sử dụng thuốc trong giai đoạn ngắn nhất để ngăn phản ứng miễn dịch.

Không sử dụng thuốc này để phòng nhiễm trùng hoặc phòng tái phát herpes.

Không có báo cáo về sự dung nạp của thuốc. Tuy nhiên, không loại trừ khả năng này.

Không sử dụng thuốc này như một chất pha loãng hoặc chất nền để trộn với các thuốc khác.

Tương tác thuốc:

Nếu đang sử dụng thuốc này và thuốc khác cùng lúc, tác dụng kháng khuẩn giảm.

Phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú:

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai hoặc cho là có thai cần cân nhắc lợi ích và nguy cơ vì không có nhiều trường hợp dùng thuốc này khi mang thai.

Không sử dụng thuốc cho phụ nữ cho con bú (Không có dữ liệu thuốc bài tiết vào sữa mẹ).

Sử dụng ở trẻ em:

Nếu sử dụng cùng các thuốc khác, tác dụng kháng khuẩn bị giảm.

Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành

máy móc:

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

Lưu ý khi sử dụng:

Chỉ dùng ngoài

Không bôi quanh mắt hoặc bôi vào mắt.

Thuốc không phù hợp dùng cho vùng ống thông nội tĩnh mạch.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở.

Bảo quản: Bảo quản dưới 30°C.

Sản xuất bởi: Kolmar Korea Co., Ltd.

245 Sandan-gil, Jeonui-myeon, Sejong-si, Hàn Quốc.